

thì tùy theo thâm niên công tác mà được xét cấp sinh hoạt phí thống nhất hoặc học bổng. Khi tính thâm niên, thanh niên xung phong được chiếu cố giảm bớt 1 năm thời gian công tác, cụ thể là :

— Những người đã công tác từ 2 năm trở lên, được hưởng sinh hoạt phí thống nhất, những người công tác ở những nơi gian khổ nguy hiểm đặc biệt thì dù chưa đủ 2 năm thâm niên cũng được hưởng sinh hoạt phí thống nhất.

— Những người đã công tác dưới 2 năm được hưởng học bổng.

VI. CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỜNG ĐỐI VỚI THANH NIÊN XUNG PHONG

Do tính chất lao động đặc biệt của lực lượng thanh niên xung phong, việc thi hành chế độ thưởng tăng năng suất, khen thưởng sáng kiến và thưởng thi đua áp dụng như sau :

1. Chế độ thưởng tăng năng suất.

Chế độ thưởng tăng năng suất được áp dụng cho các đơn vị thanh niên xung phong hoàn thành một cách tập thể từng khối lượng công việc (không áp dụng cho từng cá nhân). Định mức lao động và đơn giá làm cơ sở cho việc xét thưởng này tính theo định mức lao động và đơn giá trả lương sản phẩm như đối với công nhân sản xuất có cùng điều kiện lao động.

Mức tiền thưởng quy định bằng 60% của số tiền công làm lợi được do tăng thêm sản phẩm hoặc rút ngắn thời gian công tác.

Số tiền thưởng này sử dụng như sau :

- Bổ sung quỹ cải tiến công cụ 30%
- Tăng thêm quỹ phúc lợi tập thể đề cải thiện sinh hoạt vật chất và văn hóa 50%
- Mua hiện vật tặng thưởng cho tổ hoặc cá nhân có nhiều thành tích 20%

2. Chế độ khen thưởng sáng kiến.

Từng cá nhân, tổ, từng đơn vị được áp dụng chế độ khen thưởng sáng kiến, theo như nghị định số 20-CP ngày 8-2-1965 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ khen thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác và các văn bản hướng dẫn của các Bộ Lao động, Tài chính và Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

3. Chế độ khen thưởng thi đua.

Thanh niên xung phong được áp dụng các mức tiền thưởng thi đua như đối với công nhân sản xuất.

Thông tư này áp dụng thống nhất cho các đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung, sử dụng trong các ngành kinh tế,

quốc phòng theo chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước và được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn. Riêng chế độ tiền lương quy định ở mục VI trên đây không áp dụng đối với số thanh niên xung phong sử dụng trong ngành quốc phòng.

Bộ Lao động có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Y tế và Trung ương đoàn thanh niên lao động Việt-nam hướng dẫn các ngành, các cấp thi hành thông tư này. Các quy định trước đây trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Các ngành, các cấp sử dụng thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung có trách nhiệm thi hành đầy đủ các quy định trên đây, đặc biệt là phải quan tâm chăm lo đời sống, sức khỏe và điều kiện an toàn lao động... tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh chị em hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời cần làm cho mọi người nhận rõ sự quan tâm của Đảng và Chính phủ đối với lực lượng thanh niên xung phong động viên anh chị em phát huy khí thế cách mạng, tinh thần hăng hái, dũng cảm trong chiến đấu, sản xuất, học tập, làm tròn mọi nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ đã giao phó.

Hà-nội, ngày 27 tháng 2 năm 1968

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

CÁC BỘ

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 03-NV ngày 27-2-1968 giải thích và hướng dẫn thi hành nghị định số 163-CP ngày 11-11-1967 của Hội đồng Chính phủ về việc sửa đổi chế độ tiền tuất đối với gia đình công nhân, viên chức Nhà nước và quân nhân chết.

Ngày 11-11-1967, Hội đồng Chính phủ đã ban hành nghị định số 163-CP cải tiến chế độ tiền tuất nhằm bảo đảm hơn nữa đời sống của gia đình công nhân, viên chức, quân nhân đã chết và góp phần động viên công nhân, viên chức và quân nhân phấn khởi sản xuất, công tác và chiến đấu.

Sau khi đã trao đổi ý kiến với các Bộ, các ngành có liên quan, Bộ Nội vụ giải thích và hướng dẫn thi hành nghị định nói trên như sau :

I. NỘI DUNG NHỮNG ĐIỀU SỬA ĐỔI

A. Tiền tuất đối với công nhân, viên chức.

1. Quân nhân chết vì ốm đau, vì tai nạn lao động.

a) *Điều kiện được hưởng tiền tuất*: Theo điều 58 của điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội đối với công nhân, viên chức Nhà nước thì khi công nhân, viên chức Nhà nước chết nếu đã có đủ 5 năm công tác liên tục và tổng số thu nhập của gia đình bị sút từ 60% trở lên thì thân nhân mà người đó khi còn sống phải nuôi nấng được hưởng tiền tuất hàng tháng.

Nay nghị định số 163-CP quy định thêm là nếu bình quân thu nhập của gia đình thấp thuộc diện trợ cấp khó khăn của Nhà nước thì thân nhân cũng được hưởng tiền tuất hàng tháng. Điều quy định bổ sung này nhằm giải quyết những trường hợp hai vợ chồng đều là công nhân, viên chức lương thấp, có nhiều thân nhân phải nuôi nấng, sau khi một người chết đi, tổng số thu nhập của gia đình tuy chưa sút tới 60%, nhưng trên thực tế gia đình có nhiều khó khăn trong đời sống.

b) *Mức trợ cấp tiền tuất*: Mức trợ cấp tiền tuất quy định ở điều 58 của điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội là 9 đồng nếu có một người phải nuôi nấng; 16đ nếu có 2 người phải nuôi nấng; 21đ nếu có 3 người phải nuôi nấng; 24đ nếu có từ 4 người trở lên phải nuôi nấng. Nay sửa lại là mỗi thân nhân được trợ cấp hàng tháng 9đ và không hạn chế số người được hưởng, nhưng tổng số tiền tuất của gia đình không được quá tiền lương chính của công nhân, viên chức khi còn tại chức.

Đối với công nhân, viên chức đã về hưu, hoặc bị tai nạn lao động phải thôi việc rồi chết, nếu có đủ điều kiện được hưởng tiền tuất như đã nói trên thì tổng số tiền tuất không được quá tiền trợ cấp hưu trí hoặc trợ cấp thương tật khi còn sống.

Thí dụ: Một viên chức lương chính 45đ có trên 10 năm công tác liên tục, sau khi chết có 5 thân nhân phải nuôi nấng, tiền tuất hàng tháng được tính như sau:

$$9đ \times 5 = 45đ00$$

— Vì người này lương chính trên 40đ nên gia đình còn được hưởng 5% của phần tiền lương cao hơn 40đ tức là:

$$\frac{5}{100} \times (45đ - 40đ) = 0đ25$$

— Vì người này đã có trên 10 năm công tác liên tục nên gia đình còn được hưởng thêm 10% của 2 khoản trên cộng lại, tức là:

$$\frac{10}{100} \times (45đ + 0đ25) = 4đ525$$

Tổng số tiền tuất sẽ là: 49đ775

Nếu người này chết vì tai nạn lao động thì gia đình còn được thêm 10% của 3 khoản trên cộng lại tức là:

$$\frac{10}{100} \times (45đ + 0đ25 + 4đ525) = 4đ98$$

Như vậy tổng số tiền tuất hàng tháng sẽ là: ... 54đ755

Nhưng vì lương chính của người đó có 45đ nên tổng số tiền tuất hàng tháng của gia đình cũng chỉ được lĩnh bằng 45đ.

Một viên chức khác đã về hưu, trợ cấp hưu trí hàng tháng là 40đ. Sau khi chết có 5 người phải nuôi nấng, tiền tuất hàng tháng sẽ là:

$$9đ \times 5 = 45đ$$

— Vì mức trợ cấp hưu trí vừa đúng 40đ nên không có thêm 5% của phần tiền trợ cấp cao hơn 40đ.

— Vì người này đã có trên 10 năm công tác liên tục nên gia đình còn được hưởng thêm 10% của số tiền nói trên, tức là:

$$\frac{10}{100} \times 45đ = 4đ50$$

Như vậy tổng số tiền tuất của gia đình sẽ là: 49đ50.

Nhưng vì mức trợ cấp hưu trí của người đó là 40đ nên tổng số tiền tuất hàng tháng của gia đình cũng chỉ được tính bằng 40đ.

Trường hợp công nhân, viên chức Nhà nước bị tai nạn lao động phải thôi việc và được hưởng trợ cấp thương tật sau khi chết thì tiền tuất cũng tính như trên.

c) *Thân nhân được hưởng tiền tuất*:

Theo điều 59 của điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội thì « thân nhân của công nhân, viên chức Nhà nước chết được hưởng tiền tuất phải là những người không có sức lao động bao gồm cả những người dưới 16 tuổi (nếu còn đang đi học thì đến hết 18 tuổi) mà trước khi chết người công nhân, viên chức phải nuôi nấng.

Những người nói trên đây được hưởng tiền tuất cho tới khi có đủ khả năng tự giải quyết được đời sống hay có người đảm nhận nuôi nấng hoặc tới khi chết ».

Nhưng trong khi thi hành, nhiều nơi đã áp dụng không đúng điều quy định trên nên đã mở rộng diện trợ cấp.

Nay giải thích thêm như sau:

Những thân nhân thuộc diện được hưởng tiền tuất hàng tháng là: vợ, con (kể cả con mà khi công nhân, viên chức chết vợ đang có thai chưa đẻ), cha mẹ đẻ không có sức lao động mà công nhân, viên chức khi còn sống phải nuôi nấng nay không có nơi nương tựa.

Đối với những thân nhân khác như ông bà, cha mẹ chồng, cha mẹ vợ, em ruột... thì cần xét kỹ từng trường hợp cụ thể, chỉ những người trước đây đã được công nhân, viên chức khi còn sống thực sự nuôi nấng và nay không còn nơi nương tựa nào khác thì mới được trợ cấp tiền tuất.

Những thân nhân nói trên phải là những người không có sức lao động, cụ thể là :

— Những người đã quá tuổi lao động (nam từ 60 tuổi trở lên, nữ từ 55 tuổi trở lên) ;

— Những người ốm đau tàn tật không còn khả năng lao động (bị bệnh liệt, hỏng cả 2 mắt, v.v.) ;

— Trẻ em chưa đến tuổi lao động (từ 16 tuổi trở xuống, nếu còn đi học thì đến hết 18 tuổi).

Những thân nhân đã được hưởng một khoản trợ cấp của Nhà nước cao hơn tiền tuất (trợ cấp hưu trí, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp thương tật, học bổng...) thì không được hưởng tiền tuất nữa.

Cần hết sức tránh việc xét cấp tiền tuất tràn lan không đúng chính sách như trợ cấp cho những thân nhân mà khi còn sống người công nhân, viên chức không thực sự phải nuôi nấng, hoặc đã có nơi nương tựa khi người công nhân, viên chức chết.

2. Công nhân, viên chức chết được xác nhận là liệt sĩ.

Nghị định số 163-CP của Hội đồng Chính phủ bổ sung điều 58 của điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội đối với công nhân, viên chức đã quy định : Công nhân, viên chức chết được xác nhận là liệt sĩ, mỗi thân nhân được trợ cấp tiền tuất hàng tháng 10 đồng mà không hạn chế tổng số tiền tuất như trường hợp công nhân, viên chức chết không phải là liệt sĩ.

Thí dụ : Một viên chức chết được xác nhận là liệt sĩ lương chính 56đ có trên 10 năm công tác liên tục. Sau khi chết có 1 mẹ già và 5 con nhỏ phải nuôi nấng thì tiền tuất hàng tháng tính như sau : $10đ \times 6 = 60đ$

— Vì lương chính của liệt sĩ cao hơn 40đ nên gia đình còn được hưởng thêm 5% của phần tiền lương cao hơn 40đ tức là :

$$\frac{5}{100} \times (56đ - 40đ) = 0đ80$$

— Vì liệt sĩ đã có trên 10 năm công tác liên tục nên gia đình được hưởng thêm 10% của 2 khoản trên cộng lại tức là :

$$\frac{10}{100} \times (60đ + 0đ80) = 6đ08$$

Ngoài ra gia đình còn được hưởng khoản trợ cấp ưu đãi đối với liệt sĩ bằng 10% của 3 khoản trên cộng lại, tức là :

$$\frac{10}{100} \times (60đ + 0đ80 + 6đ08) = 6đ68$$

Tổng số tiền tuất của gia đình sẽ là... 73đ56

Hàng tháng gia đình vẫn được lĩnh đủ 73đ56 (không phải rút xuống bằng tiền lương chính, 56đ).

Về điều kiện được hưởng tiền tuất của công nhân, viên chức chết được xác nhận là liệt sĩ, thông tư Liên bộ Nội vụ — Tổng công đoàn Việt-nam số 02-TT/LB ngày 12-1-1966 đã hướng dẫn và giải thích tại điểm C, nay vẫn giữ nguyên như cũ.

B. Tiền tuất đối với quân nhân.

1. Quân nhân chết vì ốm đau, vì tai nạn trong tập luyện, trong công tác, trong học tập, trong lao động xây dựng và sản xuất.

Theo quy định của điều 45 (khoản 1) của điều lệ tạm thời về các chế độ đãi ngộ quân nhân thì những quân nhân chết vì ốm đau, vì tai nạn trong tập luyện, trong công tác, trong học tập, trong lao động xây dựng và sản xuất, nếu có đủ điều kiện được hưởng tiền tuất thì gia đình có 1 người phải nuôi nấng được trợ cấp hàng tháng 9 đ ; 2 người 16đ ; 3 người 21đ ; 4 người trở lên 24đ.

Nay nghị định số 163-CP của Hội đồng Chính phủ đã sửa điều 45 (khoản 1) nói trên như sau :

Mỗi thân nhân được trợ cấp hàng tháng 9đ, không hạn chế số người. Nhưng nếu gia đình có nhiều người được trợ cấp thì tổng số tiền tuất của gia đình không được quá tiền lương chính của quân nhân khi còn tại ngũ.

Đối với quân nhân đã về hưu, thương binh đã về gia đình hoặc vào nhà an dưỡng, vào trại thương binh mà chết, nếu có đủ điều kiện hưởng tiền tuất hàng tháng thì tổng số tiền tuất không được quá tiền trợ cấp hưu trí hay trợ cấp thương tật của quân nhân đó khi còn sống.

Cách tính trợ cấp tiền tuất đối với quân nhân chết cũng giống như cách tính trợ cấp tiền tuất đối với công nhân, viên chức chết đã hướng dẫn ở phần trên.

2. Quân nhân chết được xác nhận là liệt sĩ.

Về chế độ tiền tuất đối với quân nhân chết được xác nhận là liệt sĩ, điều 45 (khoản 1) của điều lệ tạm thời về các chế độ đãi ngộ quân nhân đã được nghị định số 163-CP của Hội đồng Chính phủ sửa lại là :

Mỗi thân nhân được trợ cấp hàng tháng 10 đồng, không hạn chế tổng số tiền trợ cấp tuất.

Cách tính tiền tuất đối với quân nhân chết được xác nhận là liệt sĩ cũng giống như cách tính tiền tuất đối với công nhân, viên chức chết đã được xác nhận là liệt sĩ như đã hướng dẫn ở phần trên.

Chế độ tiền tuất này áp dụng cho cả những liệt sĩ không phải là quân nhân thường trực hoặc công nhân, viên chức, nhưng đã được Nhà nước quy định cho hưởng tiền tuất hàng tháng như quân nhân dự bị, dân quân tự vệ không phải là công nhân, viên chức Nhà nước (quy định tại chương III, tiết 3 của điều lệ tạm thời về các chế độ đãi ngộ quân nhân); cán bộ xã; dân công phục vụ các chiến trường quan trọng (quy định ở nghị định số 111B-CP ngày 20-7-1967 của Hội đồng Chính phủ); thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước (quy định ở chỉ thị số 71-TTg ngày 21-6-1965 của Thủ tướng Chính phủ).

Những đối tượng này chỉ được hưởng khoản trợ cấp chính (mỗi thân nhân phải nuôi nấng được trợ cấp 10đ) mà không có các khoản phụ thêm như liệt sĩ là quân nhân thường trực hoặc công nhân, viên chức Nhà nước; riêng những liệt sĩ là thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước thì ngoài khoản trợ cấp chính còn được thêm khoản ưu đãi của liệt sĩ bằng 10% tổng số tiền tuất như đã hướng dẫn tại công văn số 2.724-TBHT ngày 4-10-1966 của Bộ Nội vụ.

Thí dụ:

a) Một dân quân tự vệ ở xã không có lương chết được xác nhận là liệt sĩ, gia đình có 6 người phải nuôi nấng thì hàng tháng được hưởng tiền tuất là: $10đ \times 6 = 60đ$ (không có các khoản phụ thêm).

b) Một thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước chết được xác nhận là liệt sĩ, gia đình có 4 người phải nuôi nấng thì hàng tháng được hưởng tiền tuất là:

$$(10đ \times 4) + \left[\frac{10}{100} \times (10đ \times 4) \right] = 44đ$$

C. Chế độ tiền tuất đối với con mồ côi cả cha lẫn mẹ của công nhân, viên chức hoặc quân nhân.

Nghị định số 163-CP của Hội đồng Chính phủ đã quy định:

« Con của công nhân, viên chức, con của quân nhân nếu mồ côi cả cha lẫn mẹ, mà cha hoặc mẹ là liệt sĩ hoặc đã công tác liên tục từ 5 năm trở lên thì được trợ cấp mỗi người mỗi tháng 12 đồng. Nếu sinh hoạt ở nội thành các thành phố Hà-nội, Hải-phòng thì được cấp mỗi tháng 15 đồng ».

Quy định này thi hành cho cả những trường hợp hai vợ chồng công nhân, viên chức hoặc quân nhân chết cùng một lúc, hay người chết trước, người chết sau. Tổng số tiền tuất cũng không bị hạn chế.

Thí dụ:

a) Hai vợ chồng đều là công nhân, viên chức bị chết cùng một lúc do giặc Mỹ bắn phá trong khi công tác, chồng có mức lương 56đ, vợ 40đ và đã có trên 5 năm công tác liên tục, sau khi chết để lại 4 con nhỏ dưới 16 tuổi cư trú ở nội thành Hà-nội, như vậy các cháu sẽ được lĩnh tiền tuất hàng tháng là: $15đ \times 4 = 60đ$.

Vì người chồng có lương cao hơn 40đ, lại có trên 10 năm công tác liên tục và chết về tai nạn lao động, nên các cháu được hưởng 3 khoản phụ thêm cộng lại; tổng số tiền tuất hàng tháng như vậy là: 73đ56.

Vì hai vợ chồng đều là công nhân, viên chức nên khi tính tiền tuất thì tính theo lương chính của người có mức lương cao hơn.

Ngoài ra về trợ cấp lúc đầu, các cháu được lĩnh một khoản trợ cấp bằng 4 tháng lương (kể cả các khoản phụ cấp) của bố và 4 tháng lương (kể cả các khoản phụ cấp) của mẹ các cháu.

Trường hợp hai bố mẹ, một người đã chết trước nay còn một người (là công nhân, viên chức hoặc quân nhân) chết nốt, nếu chết vì ốm đau, tai nạn rủi ro thì khoản trợ cấp lúc đầu chỉ bằng hai tháng lương (kể cả các khoản phụ cấp) của người mới chết, nếu chết vì tai nạn lao động, hoặc chết được xác nhận là liệt sĩ thì trợ cấp lần đầu được hưởng theo quy định hiện hành đã nói trong điều 56 của điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội đối với công nhân, viên chức Nhà nước và trong điều 47 của điều lệ tạm thời về các chế độ đãi ngộ quân nhân khi ốm đau, bị thương, mất sức lao động, về hưu hoặc chết.

b) Một quân nhân có mức lương chính 65đ có vợ đã chết từ lâu, nay quân nhân đó chết được xác nhận là liệt sĩ, gia đình còn bố mẹ già đã quá tuổi lao động và 3 con nhỏ dưới 16 tuổi cư trú ở nông thôn, thì tiền tuất của gia đình tính như sau:

$$\begin{array}{l} - \text{Trợ cấp của 3 con} : 12đ \times 3 = 36đ \\ - \text{Trợ cấp của 2 bố mẹ} : 10đ \times 2 = 20đ \end{array} \left. \vphantom{\begin{array}{l} - \text{Trợ cấp của 3 con} \\ - \text{Trợ cấp của 2 bố mẹ} \end{array}} \right\} 56đ$$

Vì quân nhân này có lương cao hơn 40đ, đã có trên 10 năm công tác liên tục và chết được xác nhận là liệt sĩ nên gia đình còn được hưởng các khoản phụ thêm:

$$1đ25 + 5đ725 + 6đ29 = 13đ265$$

Như vậy tổng số tiền tuất hàng tháng của gia đình là: $56đ + 13đ26 = 69đ26$.

(không phải rút xuống bằng tiền lương chính 65đ của quân nhân nói trên khi còn tại ngũ).

Những công nhân, viên chức chết vì tai nạn lao động dù chưa có đủ 5 năm công tác liên tục, nếu để lại con mồ côi cả cha lẫn mẹ thì các cháu đó cũng được hưởng tiền tuất hàng tháng theo quy định này.

Quy định này cũng áp dụng cho cả con mồ côi cả cha lẫn mẹ của quân nhân dự bị, dân quân tự vệ (không phải là công nhân, viên chức), cán bộ xã, dân công phục vụ các chiến trường quan trọng và thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước hy sinh trong chiến đấu mà được xác nhận là liệt sĩ như đã nói ở phần trên.

Những con mồ côi của nam công nhân, viên chức hoặc quân nhân chết đã được hưởng tiền tuất hàng tháng, sau một thời gian người mẹ lại chết nốt thì kể từ ngày người mẹ chết, các cháu cũng được trợ cấp hàng tháng mỗi cháu 12đ nếu ở nông thôn, hoặc 15đ nếu ở nội thành Hà-nội hay Hải-phòng; trường hợp người mẹ đi lấy chồng khác, để con lại cho thân nhân của chồng cũ nuôi thì cũng giải quyết như vậy.

Tiền tuất trên đây sẽ do người đảm nhận nuôi nấng các cháu đứng tên lĩnh.

II. THỦ TỤC THI HÀNH

Chế độ tiền tuất mới được sửa đổi thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với gia đình liệt sĩ, quân nhân và công nhân, viên chức chết. Việc thi hành các chế độ tiền tuất mới không những có tác dụng làm giảm bớt khó khăn trong đời sống của gia đình liệt sĩ, gia đình quân nhân và công nhân, viên chức đã chết mà còn làm cho những quân nhân tại ngũ, những công nhân, viên chức tại chức yên tâm, phấn khởi công tác, sản xuất và chiến đấu.

Vì vậy, mỗi khi có quân nhân hoặc công nhân, viên chức chết, các Bộ, các ngành ở trung ương và các Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh, cần quan tâm giải quyết chế độ tiền tuất cho nhanh chóng, kịp thời bảo đảm quyền lợi cho gia đình người chết.

Từ nay, sau khi một quân nhân hoặc công nhân, viên chức chết, đơn vị quân đội hoặc cơ quan, xí nghiệp có người chết cần lập ngay hồ sơ cần thiết theo quy định hiện hành và gửi cho Bộ Nội vụ (nếu người chết công tác ở các đơn vị quân đội, hoặc các Bộ, các ngành ở trung ương) hoặc Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh (nếu người chết công tác ở các đơn vị quân đội, các cơ quan, xí nghiệp của địa phương). Sau khi đã nhận được hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất trong vòng một tháng, ngoài khoản trợ cấp chôn cất (đối với công nhân, viên chức Nhà nước),

Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh cần giải quyết cho gia đình người chết được lĩnh khoản trợ cấp lần đầu (nếu xét người chết không đủ điều kiện được hưởng tiền tuất hàng tháng thì trợ cấp một lần); và trong vòng hai tháng Ủy ban hành chính tỉnh, thành cần ra quyết định cho gia đình được hưởng tiền tuất hàng tháng.

Nếu người chết công tác ở các Bộ, các ngành ở trung ương hoặc các đơn vị quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng thì Bộ Nội vụ sẽ cấp phát khoản trợ cấp lần đầu rồi chuyển hồ sơ về Ủy ban hành chính tỉnh, thành nơi thân nhân người chết cư trú để xét cho hưởng tiền tuất hàng tháng. Nếu người chết không đủ điều kiện được hưởng tiền tuất hàng tháng, thì Bộ Nội vụ cấp phát khoản trợ cấp một lần.

Trường hợp thân nhân người chết cư trú ở tỉnh, thành khác thì Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh, hoặc cơ quan, xí nghiệp, đơn vị quân đội có người chết cần chuyển gấp hồ sơ về địa phương đó để chậm nhất trong vòng một tháng (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ) Ủy ban hành chính tỉnh, thành (nơi thân nhân người chết cư trú) xét và ra quyết định cho được hưởng tiền tuất hàng tháng. Sau khi đã ký quyết định, Ủy ban cần phát ngay trợ cấp và gửi hồ sơ về Bộ Nội vụ để Bộ cấp sổ tuất.

Trong khi chờ đợi sổ chính thức của Bộ thì Ủy ban cần cấp ngay « phiếu lĩnh trợ cấp tạm thời », cho gia đình đương sự đi lĩnh trợ cấp như đã hướng dẫn tại thông tư số 254-TT/LB ngày 10-11-1967 của Liên bộ Nội vụ, Quốc phòng, Công an. Riêng việc trả tiền truy lĩnh thì Ủy ban hành chính tỉnh, thành cần lập dự trù báo cáo về Bộ để Bộ cấp phát.

Để tiến hành việc này cho tốt các Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh cần triệu tập một cuộc họp gồm các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị quân đội, Ủy ban hành chính huyện, khu phố, thị xã thuộc địa phương để phổ biến chính sách tiền tuất mới được sửa đổi và hướng dẫn thủ tục tiến hành, cách thức lập hồ sơ cần thiết để các cơ quan, xí nghiệp, các đơn vị nói trên về làm cho đúng và nhanh gọn.

Đối với những gia đình công nhân, viên chức và quân nhân chết đã được hưởng tiền tuất từ ngày 31-12-1967 trở về trước và đã được Bộ cấp sổ trợ cấp hàng tháng thì Ủy ban hành chính tỉnh, thành cần kiểm tra lại để ra quyết định cho những gia đình đó được hưởng tiền tuất theo quy định mới kể từ ngày 1-1-1968.

Cụ thể là :

1. Những gia đình đã được Bộ cấp sổ tuất và đã hưởng tiền tuất (kể cả tuất liệt sĩ) nay cần phải khai lại danh sách thân nhân phải

nuôi nấng (theo mẫu đính kèm)⁽¹⁾, có Ủy ban hành chính xã, khu phố chứng nhận đề Ủy ban hành chính tỉnh, thành đối chiếu với hồ sơ cũ, xét kỹ lại xem những thân nhân đó có thuộc diện được trợ cấp không và ra quyết định điều chỉnh tiền tuất hàng tháng; đồng thời Ủy ban cần chữa lại số tiền tuất ghi trong sổ trợ cấp và cấp phát ngay tiền tuất theo quy định mới kể từ quý I năm 1968 rồi gửi các bản sao quyết định điều chỉnh tiền tuất kèm theo bản khai danh sách thân nhân phải nuôi nấng của từng hồ sơ trợ cấp tuất về Bộ để theo dõi và lưu hồ sơ của Bộ.

Riêng đối với những sổ trợ cấp tuất có từ 4 người trở xuống được hưởng tiền tuất, mà hồ sơ mới lập trong năm 1967 thì nay không cần phải khai lại danh sách thân nhân nữa.

2. Những gia đình công nhân, viên chức chết từ trước ngày 31-12-1967 không được trợ cấp tiền tuất hàng tháng, vì tổng số thu nhập của gia đình không sụt tới 60%, nhưng hiện nay đời sống thực sự vẫn còn khó khăn, thì Ủy ban hành chính tỉnh, thành cần báo cáo từng trường hợp cụ thể, kèm theo hồ sơ cũ và giấy chứng nhận tình trạng gia đình hiện nay của Ủy ban hành chính xã hoặc khu phố đề Bộ xét. Nếu được Bộ thỏa thuận thì Ủy ban hành chính tỉnh, thành sẽ ra quyết định cho những gia đình đó được hưởng tiền tuất theo quy định mới kể từ ngày 1-1-1968.

3. Những công nhân, viên chức và quân nhân chết từ ngày 31-12-1967 trở về trước nhưng cơ quan, xí nghiệp, đơn vị chưa lập xong hồ sơ cần thiết thì nay cần tiến hành khẩn trương việc lập hồ sơ như thể thức hiện hành đề Ủy ban hành chính tỉnh, thành kịp thời giải quyết cho gia đình được hưởng tiền tuất theo quy định cũ từ ngày đương sự chết (kể cả tuất liệt sĩ) cho đến ngày 31-12-1967, còn từ ngày 1-1-1968 trở đi sẽ được chuyển sang hưởng tiền tuất theo quy định mới.

Đối với những quân nhân (kể cả những quân nhân là liệt sĩ) chết trong khoảng từ ngày 1-1-1962 đến ngày thi hành điều lệ tạm thời về các chế độ đãi ngộ quân nhân (3-10-1964), theo điều 51 của điều lệ, nếu đủ điều kiện được hưởng tiền tuất hàng tháng mà đến nay Ủy ban hành chính tỉnh, thành vẫn chưa giải quyết cho hưởng tiền tuất theo quy định cũ thì nay cần tập trung giải quyết nhanh, gọn; việc truy lĩnh cho các gia đình này cần chú ý là chi tính từ ngày 1-10-1964 (hoặc từ ngày

đương sự chết, nếu chết sau ngày 1-10-1964) đến ngày 31-12-1967 theo quy định cũ và từ ngày 1-1-1968 trở đi sẽ được hưởng tiền tuất theo quy định mới.

Trong khi chờ đợi Bộ cấp phát sổ trợ cấp và tiền truy lĩnh thì Ủy ban hành chính tỉnh, thành cần cấp phát ngay tiền tuất hàng quý cho gia đình kể từ ngày Ủy ban ra quyết định, đồng thời cấp ngay « phiếu lĩnh trợ cấp tạm thời ».

4. Đối với những công nhân viên chức, và quân nhân về hưu hoặc hưởng trợ cấp thương tật rồi chết, gia đình đã được hưởng tiền tuất từ trước ngày 31-12-1967, nếu tiền tuất cao hơn tiền trợ cấp hưu trí hoặc trợ cấp thương tật khi đương sự còn sống thì nay vẫn được bảo lưu, không tính toán lại nữa.

Thí dụ: Một công nhân về hưu, hưởng trợ cấp hưu trí hàng tháng 22đ sau khi chết gia đình đã được hưởng tiền tuất hàng tháng 25đ thì nay vẫn giữ nguyên tiền tuất cũ (25đ).

5. Về cách tính thu nhập của gia đình để hưởng tiền tuất thì vẫn áp dụng như đã hướng dẫn tại thông tư số 10-NV ngày 3-6-1967 của Bộ Nội vụ.

Trong dịp này Ủy ban hành chính tỉnh, thành cần soát lại toàn bộ hồ sơ tiền tuất trước đây để kiểm tra lại xem nếu có những thân nhân không thuộc diện được hưởng tiền tuất như còn đã quá tuổi hoặc chưa quá tuổi nhưng đã đi làm có lương, đi học có học bổng, cha mẹ già đã chết hoặc đã có người khác đảm nhận nuôi nấng, và những người không đủ điều kiện được hưởng tiền tuất nhưng bấy lâu nay đã giải quyết không đúng như: em, cháu, bố mẹ chồng, bố mẹ vợ, ông, bà, chú, bác v.v... thì nay cần điều chỉnh lại cho đúng chính sách.

Ngược lại nếu có những người đủ điều kiện hưởng tiền tuất nhưng trước đây chưa cho hưởng thì nay cũng cần báo cáo đề Bộ xét và có ý kiến cho giải quyết lại.

Đến ngày 30-6-1968 Ủy ban hành chính tỉnh, thành cần giải quyết cho xong những việc sau đây:

1. Điều chỉnh xong những hồ sơ và sổ trợ cấp tuất đã cấp trước ngày 31-12-1967 cho chuyển sang hưởng lương trợ cấp theo quy định mới (kể cả tuất liệt sĩ) đồng thời gửi về Bộ những bản sao quyết định điều chỉnh tiền tuất và danh sách thân nhân được hưởng tiền tuất có chứng nhận của Ủy ban hành chính xã, thị trấn, thị xã, khu phố.

2. Giải quyết cho xong những trường hợp công nhân, viên chức chết từ ngày 31-12-1967 trở về trước mà tới nay gia đình vẫn chưa được hưởng tiền tuất theo quy định cũ để kịp chuyển sang chế độ tuất mới từ ngày 1-1-1968.

(1) Không đăng bản mẫu tờ khai danh sách thân nhân phải nuôi nấng.

3. Riêng đối với quân nhân chết trong khoảng từ ngày 1-1-1962 đến ngày 3-10-1964 có đủ điều kiện được hưởng tiền tuất như đã quy định ở điều 51 của điều lệ tạm thời về các chế độ đãi ngộ quân nhân nhưng chưa được hưởng tiền tuất theo quy định cũ thì đến ngày 30-9-1968 Ủy ban hành chính tỉnh, thành cần giải quyết cho xong.

Trong khi thi hành, nếu gặp khó khăn trở ngại gì, đề nghị các Bộ, các cơ quan, đoàn thể trung ương và các Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh phản ánh kịp thời cho Bộ Nội vụ biết để góp ý kiến giải quyết.

Những quy định trước đây trái với nghị định số 163-CP và thông tư này nay đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 27 tháng 2 năm 1968

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

LÊ TẮT ĐẮC

QUYẾT ĐỊNH số 89-NV ngày 18-3-1968
phê chuẩn việc điều chỉnh địa giới xã và hợp nhất xã thuộc huyện Xuân-thủy, tỉnh Nam-hà.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ nghị định số 130-CP ngày 29-9-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ;

Căn cứ quyết định số 56-CP ngày 24-4-1963 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho Bộ Nội vụ phê chuẩn việc phân vạch địa giới có liên quan đến các đơn vị hành chính xã và thị trấn;

Theo đề nghị của Ủy ban hành chính tỉnh Nam-hà,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay phê chuẩn việc điều chỉnh địa giới xã và hợp nhất xã thuộc huyện Xuân-thủy, tỉnh Nam-hà như sau:

a) Sáp nhập thôn Quân-lung thuộc xã Xuân-duyong, huyện Xuân-thủy vào xã Xuân-nam cùng huyện;

b) Hợp nhất hai xã Xuân-duyong và Xuân-hòa thuộc huyện Xuân-thủy thành một xã mới lấy tên là xã Xuân-hòa.

Điều 2. — Ủy ban hành chính tỉnh Nam-hà, các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ chính quyền địa phương Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 18 tháng 3 năm 1968

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

UNG VĂN KHIÊM

QUYẾT ĐỊNH số 96-NV ngày 19-3-1968
phê chuẩn việc thành lập thị trấn nông trường Sông-âm trực thuộc huyện Ngọc-lặc, tỉnh Thanh-hóa.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ nghị định số 130-CP ngày 29-9-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ;

Căn cứ quyết định số 56-CP ngày 24-4-1963 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho Bộ Nội vụ phê chuẩn việc phân vạch địa giới có liên quan đến các đơn vị hành chính xã và thị trấn

Theo đề nghị của Ủy ban hành chính tỉnh Thanh-hóa,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay phê chuẩn việc thành lập thị trấn nông trường Sông-âm trực thuộc huyện Ngọc-lặc, tỉnh Thanh-hóa.

Điều 2. — Ủy ban hành chính tỉnh Thanh-hóa, các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ chính quyền địa phương Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 19 tháng 3 năm 1968

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

TÔ QUANG DẦU